

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 394/TTr-STC ngày 20 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - công báo (VP UBND tỉnh);
- CV: CNTH;
- Lưu: VT, KT11.
- (D-bản)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

QUY ĐỊNH
QUY TRÌNH KIỂM TRA NỘI DUNG VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh; cơ quan, đơn vị được phân cấp, uỷ quyền thực hiện kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh; Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Tuân theo pháp luật, khách quan, kịp thời, chính xác.
2. Bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khác.
3. Bảo đảm sự phối hợp với các cơ quan liên quan; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.
4. Ưu tiên việc tiến hành kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.
5. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

Điều 4. Hình thức, địa điểm và thời hạn kiểm tra, tần suất kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra

Việc tiến hành kiểm tra về đăng ký kinh doanh được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Người có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

2. Địa điểm kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra làm việc tại trụ sở, nơi làm việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đối tượng kiểm tra; trụ sở cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra; tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành kiểm tra;

b) Kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

3. Thời hạn kiểm tra.

a) Cuộc kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp của Sở Tài chính thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày.

b) Cuộc kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày.

c) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra

4. Số lần kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

Chương II **THẨM QUYỀN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN** **TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Điều 5. Thẩm quyền kiểm tra

Giám đốc Sở Tài chính có thẩm quyền kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp UBND tỉnh Phú Thọ.

Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, phường có thẩm quyền kiểm tra về đăng ký kinh doanh đối với các hộ kinh doanh, cá nhân trong phạm vi được giao tham mưu, giúp UBND xã, phường.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện hoạt động kiểm tra về đăng ký kinh doanh thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động kiểm tra về đăng ký kinh doanh với hoạt động thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Thanh tra; phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan khác theo nguyên tắc trao đổi để thống nhất, trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên xem xét, quyết định;

c) Đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Kịp thời chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền đối với các kiến nghị của Đoàn kiểm tra về đăng ký kinh doanh;

đ) Chỉ đạo việc tổng kết, tổng hợp, báo cáo về hoạt động kiểm tra về đăng ký kinh doanh trong phạm vi quản lý của địa phương.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp

a) Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân giao.

b) Tham mưu, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động kiểm tra đăng ký kinh doanh với hoạt động thanh tra; phối hợp trong xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra với các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác;

c) Xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển thông tin đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định;

d) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật thì kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;

đ) Quyết định việc tạm dừng kiểm tra trong trường hợp bất khả kháng mà không thể tiếp tục thực hiện kiểm tra; quyết định đình chỉ kiểm tra trong trường hợp đối tượng kiểm tra không còn, nội dung kiểm tra đã được thanh tra, đã có quyết định khởi tố hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Ra văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra gửi đối tượng kiểm tra;

g) Tổng kết, tổng hợp, báo cáo về hoạt động kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước.

3. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra

a) Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra; yêu cầu giải trình, làm rõ về các nội dung có liên quan.

b) Kiến nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra, cơ quan, người có thẩm quyền khác áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để bảo đảm thực hiện yêu cầu, mục đích của việc kiểm tra.

c) Lập biên bản vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

d) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra về kết quả kiểm tra.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Phối hợp, thực hiện các yêu cầu, đề nghị, quyết định xử lý của Đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện giám sát hoạt động của Đoàn kiểm tra; thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 7. Quyết định kiểm tra

1. Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra

a) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật;

b) Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền;

c) Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).

2. Nội dung quyết định kiểm tra

a) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra;

b) Phạm vi, nội dung kiểm tra;

c) Đối tượng kiểm tra;

d) Thời hạn kiểm tra;

đ) Thành phần Đoàn kiểm tra.

3. Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy trình này.

Điều 8. Đoàn kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

2. Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích đối với đối tượng kiểm tra theo quy định.

Điều 9. Kế hoạch tiến hành kiểm tra

1. Người được giao làm Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt.

2. Kế hoạch tiến hành kiểm tra có các nội dung gồm: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra.

Điều 10. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Công bố quyết định kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc.

Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang thì tiến hành kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có liên quan.

3. Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản kiểm tra thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản;

b) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thì Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp qua kiểm tra mà chưa đủ thẩm quyền để xem xét, đánh giá, làm rõ thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra đề yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra;

d) Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra để kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra.

Điều 11. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành

chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (nếu có); trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra.

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Người tiến hành kiểm tra đăng ký kinh doanh vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng kiểm tra đăng ký kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ này thì bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, UBND các xã, phường phối hợp các cơ quan chức năng khác theo dõi, tổng hợp, chủ động tổ chức phối hợp và thực hiện hiệu quả các nội dung của Quy trình này.

2. Kinh phí triển khai công tác kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật thời điểm ra quyết định kiểm tra.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh mới, các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.